

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI
Số: 44/2021-SCI/CBTT
Vv: Báo cáo thường niên 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Mã chứng khoán: S99

Trụ sở chính : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri, P. Mỹ Tri, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại : 024. 3768 4495

Fax : 024. 3768 4490

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Dương Mạnh - KTT

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri, P. Mỹ Tri, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại : 024. 3768 4495

Fax : 024. 3768 4490

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2020”

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 30/03/2021 tại đường dẫn:

<http://www.scigroup.vn/vi/cong-bo-thong-tin.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

-Như trên

-HDQT (b/c)

-VT;HCNS

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN


Phan Dương Mạnh



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Tel: 024 3768 4495

| Fax: 024 3768 4490

| Website:

www.scigroup.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2020

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY	3
1. Thông tin khái quát:.....	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:	5
3. Mô hình quản trị, cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty	5
4. Định hướng phát triển.....	6
5. Các rủi ro	7
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	9
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	9
2. Tổ chức và nhân sự.....	9
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	15
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	17
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	17
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	17
2. Tình hình tài chính tại Công ty	18
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	19
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	19
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	20
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty	20
2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	20
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	22
1. Hội đồng quản trị.....	22
2. Ban kiểm toán nội bộ.....	25
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	25

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

1. Thông tin khái quát:

Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN SCI
Tên tiếng Anh : SCI JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt : SCI., JSC

Logo : 

Trụ sở chính : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : (+84-24) 3768 4495

Fax : (+84-24) 3768 4490

Website : www.scigroup.vn

Vốn điều lệ đăng ký: 524.267.230.000 đồng (Năm trăm hai mươi tư tỷ, hai trăm sáu mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi nghìn đồng./.).

Vốn điều lệ thực góp: 524.267.230.000 đồng (Năm trăm hai mươi tư tỷ, hai trăm sáu mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi nghìn đồng./.).

Giấy chứng nhận ĐKKD số : 0101405355 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 16 ngày 03/06/2020.

Ngày trở thành công ty đại chúng: 22/12/2006

Quá trình hình thành phát triển:

Tiền thân Công ty là Xí nghiệp Xây lắp thi công Cơ giới Sông Đà 903 – trực thuộc Công ty Xây lắp thi công Cơ giới Sông Đà 9 - Tổng Công ty Sông Đà. Theo Quyết định số 05/TCT-TCLĐ ngày 23/12/1998 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà.

Nhiệm vụ: Chuyên thi công xây dựng cầu đường, đào đắp san nền, chuẩn bị các điều kiện để tham gia thi công xây dựng thủy điện Sơn La.

Năm 2003:

Ngày 19 tháng 08 năm 2003 Công ty cổ phần Sông Đà 909 chính thức được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Nhiệm vụ: Thi công các công trình công nghiệp thủy điện, giao thông trên khắp mọi miền đất nước: Nhà máy thủy điện Playkrông, NMTĐ Tuyên Quang, NMTĐ Se San 3, Công trình đường Hồ Chí Minh, Đường Quốc lộ 1A, Các hạng mục phụ trợ NMTĐ Sơn La.

Năm 2006:

Thực hiện mở rộng quy mô phát triển sản xuất kinh doanh, cổ phiếu của Công ty cổ phần Sông Đà 909 (mã S99) chính thức niêm yết và giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/12/2006, theo Quyết định số 67/QĐ-TTGDHN ngày 06/12/2006 của Giám đốc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Năm 2014:

Công ty cổ phần Sông Đà 9 thực hiện thoái hết phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Sông Đà 909.

Thời điểm này Công ty tập trung hoàn thành các hạng mục cuối cùng của các công trình dự án Nhà máy thủy điện Sơn La, Nhà máy thủy điện Nậm Chiến, Nhà máy thủy điện Lai Châu và các công trình giao thông khác.

Năm 2015:

Công ty cổ phần Sông Đà 909 đổi tên thành Công ty cổ phần SCI, đồng thời tăng vốn điều lệ đến 370 tỷ đồng; Cơ cấu lại nguồn vốn, tăng năng lực tài chính và năng lực bộ máy lãnh đạo quản lý của Công ty; Xây dựng nhận diện thương hiệu mới và định hướng tái cấu trúc hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh, đầu tư tài chính, thi công xây lắp và phát triển đầu tư trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, môi trường và hạ tầng, giao thông.

Năm 2016:

Mở rộng và phát triển hoạt động, Công ty cổ phần SCI trở thành Công ty đại chúng quy mô lớn, hoạt động theo mô hình công ty mẹ-con. Mỗi đơn vị thành viên được định hướng phát triển theo tiềm năng và lợi thế của mình dựa trên chiến lược phát triển của Công ty mẹ; đồng thời tham gia liên kết thực hiện theo mục tiêu giá trị cốt lõi của toàn hệ thống.

Năm 2017 đến nay:

Công ty cổ phần SCI cùng các đơn vị thành viên trong toàn hệ thống (SCIGROUP) với hơn 600 CBCNV lao động, đang thực hiện nhiệm vụ kế hoạch phát triển thi công xây lắp và đầu tư các dự án năng lượng thủy điện trên khắp các vùng miền của đất nước và nước bạn Lào.

Cụ thể như:

- Dự án thủy điện Canan 2: Công suất 16 MW – Đã phát điện thương mại vào tháng 10/2018.
- Dự án thủy điện Canan 1: Công suất 7 MW – KH phát điện vào tháng 4/2019.
- Dự án thủy điện Nậm Lùm 1: Công suất 8 MW – KH phát điện vào quý IV/2021.
- Dự án thủy điện Nậm Lùm 2: Công suất 18 MW – KH phát điện vào quý IV/2021.
- Dự án thủy điện Nậm Xe: Công suất 20 MW – KH phát điện vào quý II/2022.
- Dự án Điện gió Hướng Linh 8: Công suất 25,2 MW – KH phát điện vào tháng 10/2021.
- Tổng thầu thi công các dự án Điện gió Gelex 1,2,3; Hướng Phùng 2,3; Hướng Linh 7.
- Khảo sát dự án Điện gió Tân Thành, Hướng Việt tại Quảng Trị.
- Tổng thầu thi công dự án Điện mặt trời tại Ninh Thuận.
- Thi công công trình dự án Nhiệt điện Long Phú.
- Thi công công trình Thủy điện Nam Theun 1 (tại Nước CHDCND Lào).
- Tổng thầu thi công công trình Thủy điện Nam Sam 3 (Tại Lào).
- Và nhiều công trình đường giao thông khác trên khắp cả nước.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh:

- Nhận thầu thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, bưu điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây và trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, lắp đặt hệ thống điện lạnh, trang trí nội thất, gia công lắp đặt khung nhôm các loại;

- Nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn;

- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;

Địa bàn kinh doanh:

- Khắp các vùng miền trong cả nước: Tập trung các vùng Tây Bắc, Miền Trung và Đồng bằng sông cửu long;

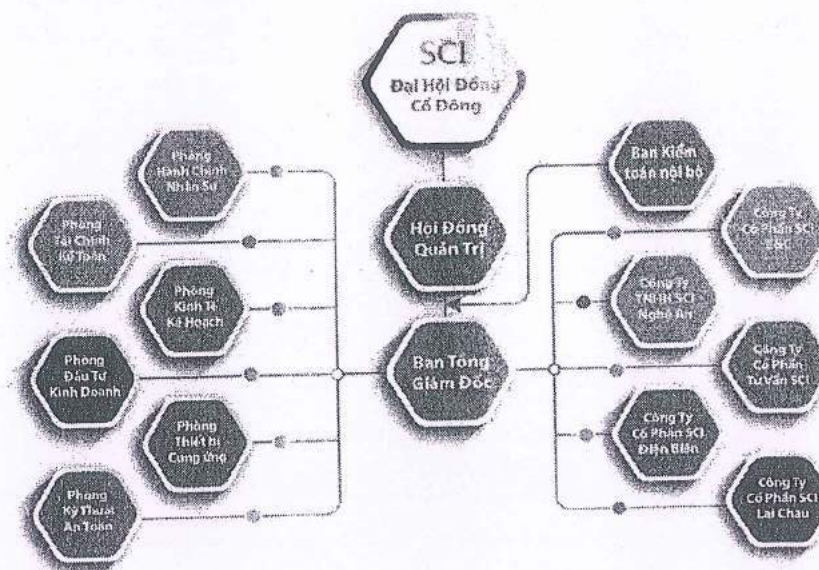
- Nước bạn CHDCND Lào.

3. Mô hình quản trị, cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Mô hình quản trị.

- Đại hội đồng cổ đông,
- Hội đồng quản trị,
- Ban kiểm toán nội bộ,
- Ban Tổng Giám đốc

Cơ cấu bộ máy quản lý.



Các công ty con, công ty liên kết:

1. Công ty cổ phần SCI E&C:

Địa chỉ: Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Lĩnh vực SXKD chính: Thi công xây lắp các công trình công nghiệp thủy điện, hạ tầng, giao thông thủy bộ trên khắp cả nước và nước bạn Lào.

Vốn điều lệ: 127.048.810.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của SCI: 60.5 % Vốn điều lệ

2. Công ty cổ phần Tư vấn SCI:

Địa chỉ: Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Lĩnh vực SXKD chính: Tư vấn thiết kế và quản lý dự án.

Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của SCI: 65 % Vốn điều lệ

3. Công ty TNHH SCI Nghệ An:

Địa chỉ: Bán Huồi thờ, xã Hữu kiếm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

Lĩnh vực SXKD chính: Đầu tư, kinh doanh khai thác các dự án thủy điện tại Nghệ An.

Vốn điều lệ: 245.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của SCI: 51 % Vốn điều lệ

4. Công ty cổ phần SCI Lai Châu:

Địa chỉ: Thôn Tây Sơn, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Lĩnh vực SXKD chính: Đầu tư, kinh doanh khai thác các dự án thủy điện tại Lai Châu.

Vốn điều lệ: 356.774.288.289 đồng

Tỷ lệ sở hữu của SCI: 99.99 % Vốn điều lệ

4. Định hướng phát triển

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- + Là doanh nghiệp chuyên sâu trong việc thực hiện dự án năng lượng tái tạo, môi trường và hạ tầng.
- + Đầu tư và thi công trong lĩnh vực thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện mặt trời, công trình giao thông đường bộ, đường thủy, bến cảng, các công trình ngầm,...
- + Mục tiêu cụ thể năm 2021 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Hợp nhất	Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	6.286.033	786.266
2	Tổng giá trị đầu tư	10 ⁶ đ	1.897.278	100.000
3	Tổng doanh thu	10 ⁶ đ	5.302.772	772.495

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Hợp nhất	Công ty mẹ
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	139.286	30.749

- + Mục tiêu phát triển bền vững (đối với môi trường, xã hội và cộng đồng):
- Với Xã hội: Góp phần tạo dựng nền tảng cho một Xã hội văn minh trường tồn.
- Với Khách hàng và Đối tác: Tạo sự tin cậy, tôn trọng, hợp tác cùng phát triển.
- Với Người lao động trong Công ty: Thu nhập tốt, đối xử công bằng, chuyên nghiệp, thân thiện, được tôn trọng được khẳng định bản thân.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro từ nền kinh tế

❖ Rủi ro tăng trưởng

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.

Tốc độ tăng trưởng ngành Xây dựng chịu tác động của tốc độ tăng trưởng GDP và trong dài hạn tốc độ tăng trưởng ngành Xây dựng tương quan thuận với tốc độ tăng trưởng GDP trong toàn nền kinh tế. Do bản chất nền kinh tế Việt Nam vẫn thuộc nhóm nền kinh tế đang phát triển, chỉ tiêu đầu tư xây dựng cơ bản là một trong những động lực thúc đẩy tăng trưởng dài hạn nền kinh tế.

Việc điều hành nền kinh tế một cách ổn định và hiệu quả của Chính phủ sẽ giúp giảm thiểu các rủi ro kinh tế cho các doanh nghiệp nói chung và cho Công ty nói riêng.

❖ Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với biến động của lạm phát.

Hoạt động của các doanh nghiệp đầu tư, sản xuất kinh doanh thi công xây lắp như Công ty Cổ phần SCI luôn chịu tác động trực tiếp từ tỷ lệ lạm phát. Sự biến động của lạm phát trong thời gian qua ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào, cũng như nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đầu ra của Công ty. Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty luôn chủ động trong việc ký các hợp đồng cung cấp nguyên nhiên vật liệu đầu vào với các nhà cung cấp truyền thống và có kế hoạch chủ động điều chỉnh giá bán cho khách hàng dựa trên những dự báo về tình hình lạm phát.

❖ Lãi suất

Công ty Cổ phần SCI có sử dụng vốn vay ngân hàng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Biến động lãi suất theo xu hướng giảm trong những năm gần đây có tác dụng tích cực, góp phần làm giảm chi phí lãi vay ngân hàng và tăng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.2. Rủi ro pháp luật

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập, các luật về đất đai, xây dựng, môi trường,... Đồng thời, Công ty cũng chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành Xây dựng, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

Tuy nhiên, hiện nay hệ thống Pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, sự thay đổi có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, để hạn chế rủi ro này, Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật kịp thời những thay đổi trong môi trường pháp luật để định hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

5.3. Rủi ro đặc thù

❖ Rủi ro biến động giá nhiên liệu đầu vào

Công nghệ thi công của Công ty chủ yếu dựa vào hệ thống máy móc thiết bị cơ giới hạng nặng. Để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Hiện nay, nguồn nhiên liệu sử dụng trong nền kinh tế phần lớn phụ thuộc vào nhập khẩu. Trong thời gian qua, giá cả các loại nhiên liệu nhập khẩu biến động thất thường, chủ yếu là do những bất ổn về chính trị tại một số khu vực trên thế giới, hoặc do sự thay đổi trong chính sách khai thác, dự trữ nhiên liệu của một số quốc gia có nền công nghiệp dầu mỏ hoặc nền kinh tế phát triển. Để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của giá cả vật tư, nhiên liệu đầu vào đến kết quả kinh doanh, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng xây lắp có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động. Mặc dù vậy, có thể nói đây vẫn là rủi ro lớn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ Rủi ro khoản phải thu khó đòi

Do đặc điểm của ngành xây dựng, các công trình thi công thường kéo dài qua nhiều năm, thời gian quyết toán, hoàn thiện hồ sơ thi công giữa các bên và thời gian thanh toán các công trình, hạng mục công trình kéo dài. Đặc điểm này tiềm ẩn rủi ro tài chính và khả năng trả nợ của Công ty khi có khách hàng bị phá sản, mất khả năng thanh toán, hoặc khi các công trình thi công bị thiệt hại do các nguyên nhân khách quan... Để giảm thiểu rủi ro này, công ty sẽ đánh giá kỹ các công trình thực hiện và năng lực tài chính của chủ đầu tư, yêu cầu chủ đầu tư ứng trước theo từng giai đoạn công trình.

❖ Rủi ro vận hành

Để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, chủ đầu tư về tiến độ thi công các công trình, hạng mục công trình, nhiều khi Công ty phải tiến hành thi công xây dựng trong những điều kiện thời tiết xấu, địa hình phức tạp, có thể xảy ra tai nạn lao động, hỏng hóc và ngưng trệ hoạt động máy móc thiết bị, gián đoạn quá trình thi công, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

5.4. Rủi ro khác

Các rủi ro nằm ngoài khả năng dự báo và vượt quá khả năng phòng chống của con người như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt

động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty cũng đã xem xét và xây dựng một số kịch bản phòng ngừa rủi ro bất khả kháng nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho Công ty và đảm bảo tính hoạt động liên tục.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Tổ hợp SCI.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ (%) HT
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	1.994.313	1.971.141	98,8
2	Tổng giá trị đầu tư	10 ⁶ đ	646.536	644.649	99,7
3	Tổng doanh thu	10 ⁶ đ	1.706.295	1.654.940	97,0
4	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	10 ⁶ đ	99.086	315.864	318,8

b. Riêng Công ty mẹ.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ (%) HT
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	846.829	808.184	95,4
2	Tổng giá trị đầu tư	10 ⁶ đ	253.625	171.065	67,4
3	Tổng doanh thu	10 ⁶ đ	832.411	803.415	96,5
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	26.145	27.071	103,5

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Ban điều hành hiện tại

- Ông Nguyễn Văn Phúc - Tổng Giám đốc
- Ông Đoàn Thế Anh - Phó Tổng giám đốc
- Ông Phạm Văn Nghĩa - Phó Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Độ - Phó Tổng giám đốc
- Ông Vũ An Minh - Phó Tổng giám đốc

❖ TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- ☛ Ông Nguyễn Văn Phúc - Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 01/01/1966
- CMTND số : 112368321 cấp ngày: 05/3/2007 tại CA Hà Tây.
- Địa chỉ thường trú: 7B, Ao Sen 7, Mỗ Lao, thị xã Hà Đông, Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế máy.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - + 1990 – 1994: Phòng kinh tế kế hoạch Tổng công ty Sông Đà /Đại diện Tổng công ty Sông Đà Yaly;
 - + 1994 – 2001: Trưởng phòng kinh tế kế hoạch Công ty Sông Đà 3;
 - + 2002 – 2005: Trưởng phòng kinh tế kế hoạch Công ty CP Sông Đà 9;
 - + 2002– 04/2016: Trưởng phòng kinh tế kế hoạch /Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó TGD Công ty cổ phần Sông Đà 9.
 - + 04/2016 – 02/2019: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần SCI.
 - + 02/2019 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần SCI.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
- Số cổ phần nắm giữ: 3.528 cổ phần.
Trong đó:
 - + Sở hữu: 305.475 cổ phần.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- ✦ **Ông Đoàn Thế Anh - Thành viên HĐQT, kiêm phó Tổng Giám đốc**
 - Ngày sinh: 26/02/1978.
 - CMTND số : 034078000022 - cấp ngày 20/11/2017 - Nơi cấp: Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư
 - Quốc tịch: Việt Nam.
 - Địa chỉ thường trú: CT4-4, KĐT Mễ Trì Hạ, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội.
 - Trình độ văn hoá: 12/12.
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.
 - Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - + 03/2001 – 08/2004: Kỹ sư giám sát thuộc Công ty liên doanh Xây dựng Việt Nam - Cu Ba (VIC);
 - + 09/2004 – 08/2008: Phó ban quản lý dự án nhà máy thủy điện Tà Niết - CTCP thủy điện Tà Niết;

- + 09/2008 – 10/2011: Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 908 – Công ty Cổ phần Sông Đà 9, trải qua các vị trí: Phó phòng thi công, Trưởng phòng thi công công trình thủy điện Sơn La và thủy điện Lai Châu;
- + 11/2011 – 07/2012: Tổng đội thi công Núi Pháo-Công ty cổ phần Sông Đà 9, làm Phó tổng đội trưởng tổng đội thi công cơ giới Núi Pháo - Đại Từ - Thái Nguyên;
- + 08/2012 - 10/2013: Chi nhánh Sông Đà 9.10 - Công ty cổ phần Sông Đà 9, làm Phó giám đốc thi công công trình đường cao tốc Hà Nội-Lào Cai, công trình Trạm biến áp 220KV Bảo Thắng -Lào Cai;
- + 11/2013 - 06/2014: Giám đốc xây dựng - Ban điều hành gói thầu EPC bãi thải xỉ 2 - Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 2.
- + 07/2014 - 06/2015: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Sông Đà 909.
- + 06/2015 – 23/12/2015: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần SCI.
- + 24/12/2015 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần SCI
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc.
- Số cổ phần nắm giữ: 11.025 cổ phần.
- Trong đó:
 - + Sở hữu: 161.576 cổ phần.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- ✦ **Ông Phạm Văn Nghĩa - Phó Tổng Giám đốc**
 - Ngày sinh: 18/01/1975.
 - CMTND số : 013243492 - cấp ngày 30/10/2009 - Nơi cấp: CA Hà Nội
 - Quốc tịch: Việt Nam.
 - Địa chỉ thường trú: P1210-CT5-N4-KĐT Mỹ Đình 2- Nam Từ Liêm , Hà nội .
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công trình thủy lợi.
 - Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - + 07/1998 – 06/2002: Cán bộ Trung tâm Tư vấn 1 - Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà
 - + 06/2002 – 06/2010: Phó giám đốc Trung tâm tư vấn xây dựng 1, Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà.
 - + 06/2010 – 11/2017: Giám Trung tâm tư vấn xây dựng 1, Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà.
 - + 11/2017 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần SCI
 - Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng giám đốc.
 - Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
 - Trong đó:

- + Sở hữu: 150.000 cổ phần.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- ✚ **Ông Nguyễn Văn Độ - Phó Tổng Giám đốc**
- Ngày sinh: 24/11/1979.
- CMTND số : 034079001195
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: Thái Thượng – Thái Thụy – Thái Bình.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng. Cử nhân kinh tế.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - + 2004 – 2009: Công ty cổ phần Sông Đà 909
 - + 11/2009 – 01/2013: Chỉ huy trưởng Công ty cổ phần Xây lắp dầu khí 1.
 - + 02/2013 – 10/2017: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện.
 - + 03/2018 – 03/2019: Giám đốc Công ty cổ phần Macca Ngôi sao Tây Bắc
 - + 04/2019 – 10/2020: Phó Giám đốc Công ty cổ phần SCI Lai Châu
 - + 10/2020 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần SCI
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng giám đốc.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Trong đó:
 - + Sở hữu: 0 cổ phần.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- ✚ **Ông Vũ An Minh - Phó Tổng Giám đốc**
- Ngày sinh: 08/07/1976.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố Ngọa Long, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công trình thủy điện.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - + 1999 – 2009: Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 1
 - + 2009 – 2013: Trưởng phòng kỹ thuật – thiết bị công nghệ Công ty CP Thủy điện SGI Lào.

- + 2013 – 2015: Phó Tổng giám đốc phụ trách kỹ thuật Công ty TNHH Thủy điện Nậm Mô Lào.
- + 2015 đến Tháng 12/2020: Tập đoàn Hà Đô
- + Tháng 12/2020 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP SCI.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng giám đốc.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

Trong đó:

- + Sở hữu: 0 cổ phần.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

↓ Ông Phan Dương Mạnh – Kế toán trưởng

- Ngày sinh: 27/06/1987
- CCCD số : 040087000209 cấp ngày 15/06/2016
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: CT4, Chung cư The Pride, La Khê, Hà Đông.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán (Chuyên ngành Kiểm toán)
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - + 08/2009 - 6/2010: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC)
 - + 07/2010 - 07/2015: Kiểm toán viên Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
 - + 08/2015 - 04/2016: Chuyên viên Công ty Cổ phần FECON.
 - + 05/2016 – 11/2017: Phó phòng TCKT - Công ty Cổ phần SCI E&C.
 - + 12/2017 - 9/2019: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần SCI E&C.
 - + Từ tháng 10/2019 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần SCI.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty cổ phần SCI.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

Trong đó:

- + Sở hữu: 0 cổ phần.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

2.2 Cơ cấu nhân sự công ty và chế độ cho người lao động tại Công ty

STT	Loại hình lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
	Phân loại theo giới tính		
1	Lao động Nam	564	90,53
2	Lao động Nữ	59	9,47
	Tổng cộng	623	100,00
	Phân loại theo trình độ		
1	Đại học và trên đại học	176	28,25
2	Cao đẳng và trung cấp	327	52,49
3	Lái xe, lái máy		
4	Lao động phổ thông khác (nhà bếp)	120	19,26
	Tổng cộng	623	100,00

✦ Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty thực hiện làm việc 8h/ngày, 5,5 ngày/tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc theo nhiệm vụ sản xuất kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Chế độ bảo hiểm, nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ tết, nghỉ ốm thai sản...: Công ty thực hiện trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định.

Thực hiện các ngày nghỉ theo đúng Bộ Luật lao động và hướng dẫn của Chính phủ đối với các kỳ nghỉ lễ, tết trong năm.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất và an toàn cho CBCNV.

✦ Chính sách tuyển dụng thu hút nhân tài

Căn cứ kế hoạch nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm, Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự cho từng vị trí, yêu cầu có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, ...

Với những chính sách tuyển dụng sát với yêu cầu thực tế công việc, trong năm qua Công ty đã thu hút và đang xây dựng được đội ngũ nhân lực có năng lực và kinh nghiệm từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ và năng động của Công ty cổ phần SCI luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ.

✦ Chính sách khen thưởng, kỷ luật

Người lao động làm việc có hiệu quả cao, chất lượng phục vụ tốt, Ban Tổng giám đốc căn cứ vào kết quả lao động, quy chế của Công ty để xét thưởng.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

3.1 Dự án Nhà máy thủy điện Canan 1.

a. Thông tin dự án:

- Địa điểm: Huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.
- Quy mô công suất: 7 MW.
- Dự án đã phát điện thương mại từ tháng 4 năm 2019.

3.2 Dự án Nhà máy thủy điện Canan 2.

a. Thông tin dự án:

- Địa điểm: Huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.
- Quy mô công suất: 16 MW,
- Dự án đã phát điện thương mại từ tháng 10 năm 2018.

3.3 Dự án thủy điện Nậm Lùm 2.

a. Thông tin dự án:

- Địa điểm: Huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.
- Quy mô công suất: 18 MW.
- Kế hoạch phát điện: Quý IV năm 2021.

b. Tình hình triển khai thủ tục pháp lý:

- Hoàn thành phê duyệt chủ trương đầu tư dự án vào tháng 2 năm 2018. Hoàn thành phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tháng 11 năm 2018 (QĐ số 4288/QĐ-BCT ngày 14/11/2018), trình thẩm định hồ sơ cấp chủ trương đầu tư điều chỉnh.

- Hoàn thành lập báo cáo ĐTM của dự án và của tuyến đường dây 110Kv.

- Hoàn thành thỏa thuận đấu nối vào lưới điện quốc gia với NPC. Hoàn thành công tác thỏa thuận thiết kế kỹ thuật hạng mục Rơ le bảo vệ và tự động, Scada và viễn thông với Trung tâm điều độ hệ thống điện Miền Bắc (A1).

- Đã được Sở TNMT Lai Châu cấp phép khai thác, sử dụng vật liệu tận dụng.

- c. Công tác giải phóng mặt bằng: Đã hoàn thành công tác đền bù giải phóng mặt bằng.

d. Công tác thiết kế:

- Hoàn thành thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và thiết kế kỹ thuật.
- Công tác thiết kế bản vẽ thi công: Đã hoàn thành.

e. Công tác thi công:

- Triển khai thi công các hạng mục đường TCVH và phụ trợ, lán trại: Đường thi công vận hành và công trình trên tuyến đạt 99%; Công trình phụ trợ, lán trại, điện thi công đạt 96%.

- Các công trình chính: Khu đầu mối đạt 70%; Tuyến năng lượng đạt 43%; Đường dây 110 Kv và trạm OPY đạt 45%; Nhà máy và kênh xả đạt 70%.

3.4 Dự án thủy điện Nậm Lùm 1.

a. Thông tin dự án:

- Địa điểm: Huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Quy mô công suất: 8 MW.
- Kế hoạch phát điện: Quý II năm 2022.
- b. Tình hình triển khai thủ tục pháp lý:
 - Hoàn thành phê duyệt bổ sung quy hoạch dự án thủy điện Nậm Lùm 1 tại Bộ Công Thương tháng 11 năm 2018 (QĐ số 4275/QĐ-BCT ngày 14/11/2018).
 - Hoàn thành hồ sơ cấp chủ trương đầu tư trình UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt. Hoàn thành thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi.
 - Hoàn thành bổ sung quy hoạch lưới.
 - Hoàn thành lập báo cáo ĐTM của dự án.
 - Hoàn thành thỏa thuận đầu nối vào lưới điện quốc gia với NPC.
 - Đã được Sở TNMT Lai Châu cấp phép khai thác, sử dụng vật liệu tận dụng.
- c. Công tác giải phóng mặt bằng: Đã hoàn thành công tác đền bù giải phóng mặt bằng.
- d. Công tác thiết kế:
 - Hoàn thành thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và thiết kế kỹ thuật.
 - Công tác thiết kế bản vẽ thi công: Đã hoàn thành.
- e. Công tác thi công:
 - Triển khai thi công các hạng mục đường TCVH và phụ trợ, lán trại: Đường thi công vận hành và công trình trên tuyến đạt 79%; Công trình phụ trợ, lán trại, điện thi công đạt 100%.
 - Các công trình chính: Khu đầu mối đạt 21%; Tuyến năng lượng đạt 8%; Đường dây 110 Kv và trạm OPY đạt 0%; Nhà máy và kênh xả đạt 29%.

3.5 Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Xe.

- a. Thông tin dự án:
 - Địa điểm: Huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.
 - Quy mô công suất: 20 MW.
 - Kế hoạch phát điện: Quý II năm 2022.
- b. Tình hình triển khai:
 - Hoàn thành phê duyệt điều chỉnh quy hoạch dự án thủy điện Nậm Xe từ 11,6 MW lên 20MW, tại Bộ Công Thương tháng 9 năm 2018 (QĐ số 3268/QĐ-BCT ngày 10/09/2018).
 - Hoàn thành phê duyệt chủ trương đầu tư tại tỉnh Lai Châu tháng 12 năm 2018 (QĐ 16647/QĐ-UBND ngày 26/12/2018).
 - Hoàn thành phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án.
 - Hoàn thành phê duyệt hồ sơ ĐTM tại Bộ tài nguyên và môi trường.
 - Hoàn thành 90% công tác đền bù giải phóng mặt bằng khu vực dự án.

3.6 Dự án điện gió Hướng Linh 8

- a. Thông tin dự án:
 - Địa điểm: Huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.
 - Quy mô công suất: 25,2 MW.

- Kế hoạch phát điện: Tháng 10/2021.
- b. Tình hình triển khai:
 - Hoàn thành phê duyệt chủ trương đầu tư tại tỉnh Quảng Trị.
 - Hoàn thành phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án.
 - Hoàn thành 90% công tác đền bù giải phóng mặt bằng khu vực dự án.

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 52.426.723 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 46.279.769 cổ phần
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo pháp luật: 6.146.954 cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông theo danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán chốt ngày 05/06/2020 như sau :

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	2.153	52.097.020	520.970.200.000	99,38%
	- Cá nhân	2.124	42.620.470	426.204.700.000	81,30%
	- Tổ chức	29	9.476.550	94.765.500.000	18,08%
2	Cổ đông ngoài nước	51	329.703	3.297.030.000	0,62%
	- Cá nhân	50	329.499	3.294.990.000	0,62%
	- Tổ chức	1	204	2.040.000	0,00%
	Tổng cộng:	2.204	52.426.723	524.267.230.000	100%

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Tổng quan về các chỉ tiêu chủ yếu năm 2020 theo báo cáo hợp nhất

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	% so với kế hoạch năm 2020
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	10 ⁶ đ	1.971.141	98,8
2	Doanh thu	10 ⁶ đ	1.654.940	97,0

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	% so với kế hoạch năm 2020
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	315.864	318,8

1.2 Đánh giá chung tình hình thực hiện các mục tiêu chủ yếu năm 2020

Trong năm 2020, Công ty mẹ và các công ty con tiếp tục duy trì kết quả kinh doanh khả quan, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch đặt ra với tổng giá trị sản xuất kinh doanh 1.971 tỷ đồng, lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 315,9 tỷ đồng, lợi nhuận riêng Công ty mẹ đạt 27,1 tỷ đồng (đạt 103,5% kế hoạch); đây là những con số thể hiện bước tiến vững vàng của toàn Công ty. Đóng góp vào kết quả kinh doanh nổi bật là các ngành nghề mũi nhọn như thi công xây lắp, đầu tư các dự án năng lượng: thủy điện, điện gió.

Việc cải tiến về công nghệ thi công, đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị của Công ty giúp cho năng suất lao động tăng cao đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình Công ty tham gia thi công đặc biệt nâng cao năng lực cạnh tranh khi tham gia đấu thầu. Công ty đã khẳng định được năng lực tại các dự án lớn ở trong nước và tại CHDCND Lào, đồng thời từng bước nghiên cứu thâm nhập thị trường xây dựng các nước Đông Nam Á.

2. Tình hình tài chính tại Công ty

2.1 Tình hình tài sản

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2019	31/12/2020
1	Tài sản ngắn hạn	10 ⁶ đ	1.039.437	2.678.812
2	Tài sản dài hạn	10 ⁶ đ	1.094.398	1.333.954
	Tổng tài sản	10⁶ đ	2.133.835	4.012.766
4	Nợ phải trả	10 ⁶ đ	1.417.099	2.949.581
5	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	716.736	1.063.185
	Tổng nguồn vốn	10⁶ đ	2.133.835	4.012.766

Tại ngày 31/12/2020, Tổng tài sản của Công ty tăng mạnh so với đầu kỳ, cụ thể tăng từ 2.133,8 tỷ đồng lên 4.012,8 tỷ đồng, tăng hơn 1.879 tỷ đồng. Trong đó TSNH là 1.639,4 tỷ đồng, TSDH là 239,6 tỷ đồng. Điều này là thành quả của cả tập thể SCI Group và minh chứng cho bước chuyển mình mạnh mẽ trong năm vừa qua của Công ty.

2.2 Tình hình nợ phải trả

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2019	31/12/2020
	Nợ ngắn hạn	10 ⁶ đ	743.558	2.078.004

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2019	31/12/2020
	Nợ dài hạn	10 ⁶ đ	673.541	871.577
	Nợ phải trả	10 ⁶ đ	1.417.099	2.949.581

Trong cơ cấu nợ, Nợ dài hạn chiếm khoảng 29,55%, trong đó chủ yếu là khoản vay dài hạn phục vụ cho Dự án Xây dựng nhà máy Thủy điện Canan 1, Canan 2, Nậm lùm 1 và Nậm Lùm 2. Tỷ lệ Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu của Công ty luôn duy trì và đảm bảo ở mức an toàn về tài chính.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

“Chất lượng cho từng sản phẩm” luôn luôn là mục tiêu phấn đấu của Công ty cổ phần SCI, là uy tín, danh dự để công ty tồn tại và phát triển. Bằng những bước đi vững chắc, những điều Công ty muốn mang đến cho khách hàng mỗi ngày chính là sự tin tưởng cho từng dự án mọi lúc và mọi nơi. Công ty luôn không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng công trình cung cấp cho khách hàng, đặt lợi ích của khách hàng và cộng đồng lên hàng đầu.

Để đảm bảo được chất lượng tốt nhất cho mỗi công trình Công ty tạo ra, Công ty cam kết thiết lập và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng theo các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015, và cải tiến thường xuyên tính hiệu lực của Hệ thống chất lượng.

Xây dựng, duy trì, phát triển đội ngũ nhân viên giàu nhiệt huyết, chuyên môn cao, làm việc chuyên nghiệp không ngừng phấn đấu vì mục tiêu chất lượng công trình.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Định hướng và mục tiêu phát triển của Công ty cổ phần SCI là: xây dựng và phát triển Công ty trở thành doanh nghiệp mạnh đáp ứng các yêu cầu khắt khe về hội nhập kinh tế toàn cầu, là nhà thầu mạnh, nhà đầu tư hiệu quả góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Để thực hiện mục tiêu trên, đơn vị tập trung xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ có chuyên môn giỏi, công nhân có tay nghề cao đáp ứng kịp thời yêu cầu công việc và sự tăng trưởng của Công ty. Bên cạnh đó, đơn vị tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị hợp lý trên cơ sở năng lực tài chính và yêu cầu của công việc.

Mục tiêu cụ thể như sau:

- Công ty tiếp tục giữ vững hoạt động sản xuất, chủ động tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư, phát triển kinh doanh các ngành nghề nền tảng là năng lượng tái tạo, môi trường và hạ tầng.

- Nghiên cứu, xúc tiến đầu tư các dự án thủy điện, điện gió, điện mặt trời; đồng thời tiếp thị để tham gia các công tác tư vấn, tổng thầu thi công, tổng thầu EPC các dự án thủy điện, điện gió, điện mặt trời.

- Thi công xây dựng đáp ứng tiến độ, chất lượng các công trình đang thi công theo đúng các cam kết với Chủ đầu tư.

Củng cố, phát triển Công ty theo định hướng 4 mảng hoạt động lớn gồm: Đầu tư xây dựng, Tư vấn xây dựng, Thi công xây dựng, Kinh doanh thương mại. Tại mỗi lĩnh vực hoạt

động, Hội đồng Quản trị phân công các thành viên tăng cường giám sát, sát sao chỉ đạo các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn tài chính và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Tổng Giám đốc và Ban điều hành các cấp trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2020 đã đề ra của Công ty. Mặc dù có một số chỉ tiêu chưa đạt so với kỳ vọng, tuy nhiên kết quả đạt được thể hiện bước tiến vững vàng của Công ty, sự cố gắng của các Công ty con.

Các quyết sách của Hội đồng quản trị được Ban Tổng giám đốc cũng như các Công ty con triển khai quyết liệt nhưng thận trọng, chắc chắn. Kết quả đạt được trên tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã tiếp tục duy trì và củng cố được lòng tin từ đối tác, khách hàng, cổ đông.

Ban điều hành đã tạo được hiệu ứng làm việc sôi nổi, ra sức thi đua sản xuất kinh doanh và khí thế phấn khởi trong toàn Công ty. Trong thời gian tới Lãnh đạo các công ty cần kiện toàn và phát triển đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp cho công tác quản lý, triển khai các dự án và đặt biệt tại các dự án điện gió, điện mặt trời.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

2.1 Định hướng

- Phê duyệt, bổ sung và chỉnh sửa tăng cường mở rộng mối quan hệ, tập trung tìm kiếm và chỉ đạo triển khai các dự án nhằm mục đích mở rộng hoạt động SXKD, tạo cơ hội tăng thu nhập cho CBCVN Công ty đồng thời khẳng định uy tín, tạo thương hiệu đối với các Chủ đầu tư;

- Ban hành các quy chế, quy trình làm việc của Công ty phù hợp với tình hình thực tế và xu hướng phát triển về quy mô và năng lực của Công ty;

- Chỉ đạo ổn định công tác tổ chức, phê duyệt cơ cấu mô hình tổ chức sản xuất của Công ty phù hợp với thực tế SXKD, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty;

- Chiến lược đào tạo con người, đặc biệt công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và lực lượng lao động lành nghề đã được quan tâm hàng đầu, việc triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao.

- Chỉ đạo, đôn đốc thực hiện triển khai các dự án đầu tư có hiệu quả: Xe máy, thiết bị thi công phục vụ các dự án công ty đang tham gia thi công và định hướng đầu tư phù hợp đảm bảo tiến độ và kế hoạch;

- Phân tích nhu cầu, định hướng đầu tư máy móc, thiết bị, vật tư phù hợp đảm bảo ổn định sản xuất.

2.2 Chỉ đạo thực hiện và kế hoạch hành động

Năm 2020, toàn Công ty cần tập trung huy động mọi nguồn lực về tài chính, nhân lực, máy móc thiết bị, triển khai đồng bộ đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ sản xuất, với các mục tiêu và một số giải pháp trong từng lĩnh vực công tác sau:

2.2.1 Công tác thi công, thu hồi công nợ tại các công trình

- Đảm bảo mục tiêu tiến độ các công trình: Thi công các công trình hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng công trình theo hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư, thu hồi nợ nhanh chóng theo tiến độ xây dựng.

- Tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu đầu tư các dự án năng lượng/thi công công trình xây lắp trong lĩnh vực giao thông hạ tầng.

2.2.2 Công tác đầu tư

- Cân đối năng lực xe máy thiết bị hiện có và nhu cầu mở rộng SXKD, thực tế sản xuất, Tổng Giám đốc Công ty trình HĐQT phê duyệt các dự án đầu tư nhằm nâng cao năng lực thiết bị thi công hiện đại.

- Tiếp tục từng bước chắc chắn trong lĩnh vực đầu tư về thủy điện: Khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư và khởi công các dự án thủy điện tại tỉnh Lai Châu, các dự án điện gió Hướng Linh tại Quảng Trị.

- Nghiên cứu, xúc tiến đầu tư các dự án năng lượng; đồng thời tiếp thị để tham gia các công tác tư vấn, tổng thầu thi công, tổng thầu EPC các dự án năng lượng.

2.2.3 Công tác tiếp thị, đấu thầu

- Tăng cường công tác tiếp thị, từng bước mở rộng thị trường để chuẩn bị cho kế hoạch SXKD năm 2021 và các năm tiếp theo;

- Nắm tình hình, chuẩn bị các điều kiện để tham gia đấu thầu những gói thầu thuộc các dự án lớn.

- Có báo cáo đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai các dự án trước đây trong tất cả các khâu (đấu thầu, đàm phán, ký kết hợp đồng với CĐT...) đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ các dự án, công trình chuẩn bị thực hiện.

2.2.4 Công tác tổ chức, đổi mới doanh nghiệp

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng chức năng theo chuyên ngành nhằm giải quyết tốt các nghiệp vụ phát sinh; Củng cố và tăng cường lực lượng làm công tác thị trường và hồ sơ dự thầu các công trình;

- Phát động các phong trào thi đua hoàn thành các mục tiêu tiến độ trên các công trình đang thi công.

- Theo dõi, đánh giá việc áp dụng quy chế trả lương mới nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đóng góp cho công ty.

- Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý nội bộ cho phù hợp với pháp luật và thực tế hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu tối đa chi phí quản lý, nâng cao hiệu quả điều hành sản xuất;

- Xây dựng cẩm nang điều hành cho toàn bộ các lĩnh vực liên quan trong và ngoài lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Tiếp tục các hoạt động tái cấu trúc doanh nghiệp: xây dựng nguồn nhân lực, phát triển hình ảnh thương hiệu công ty, nâng năng lực cạnh tranh/đấu thầu trong nước và từng bước phát triển hoạt động đầu tư kinh doanh trên thị trường ngoài nước.

- Ban hành các nội quy quy chế tăng cường công tác quản trị vốn, hoạt động đầu tư dự án, đầu tư tài chính chuyên sâu và chuyên nghiệp, thống nhất áp dụng cho các công ty con

2.2.5 Công tác Kinh tế - Kỹ thuật – Tài chính kế toán

- Quản lý chặt chẽ tiến độ, chất lượng các công trình thi công, duy trì và thực hiện nghiêm túc về việc giám sát thi công;

- Bám sát Chủ đầu tư để kịp thời giải quyết các vướng mắc về thiết kế, biện pháp thi công, dự toán để đẩy nhanh tiến độ thu vốn;

- Tập trung triển khai thi công đúng tiến độ các công trình nhằm hoàn thành xuất sắc kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra;

- Các phòng thường xuyên kết hợp với các đội trong công tác thanh, quyết toán công trình đã và đang thi công;

- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, sử dụng vốn hợp lý, kịp thời hạch toán bảo đảm phản ánh đúng tình hình, hiệu quả SXKD;

- Thu hồi công nợ: Đẩy nhanh tiến độ thu vốn, công nợ các hạng mục công trình đang thi công. Đôn đốc các đơn vị có liên quan hoàn tất thủ tục thanh toán dứt điểm công nợ tồn đọng.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc hoạt động và bảo đảm chế độ của mạng lưới an toàn viên. Triển khai kiểm tra việc thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn trong ngành xây dựng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên HĐQT và cơ cấu của HĐQT

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch HĐQT	5.725.997	10,92	
2	Ông Nguyễn Chính Đại	Thành viên HĐQT	811	0,00	
3	Ông Nguyễn Minh Hùng	Thành viên HĐQT độc lập	62.070	0,12	
4	Ông Đoàn Thế Anh	Thành viên HĐQT	161.576	0,31	Kiên Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên HĐQT	305.475	0,58	Kiên Tổng Giám đốc

1.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị

1.2.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	12/12	100%	
2	Ông Nguyễn Chính Đại	Ủy viên	12/12	100%	
3	Ông Đoàn Thế Anh	Ủy viên	12/12	100%	
4	Ông Nguyễn Minh Hùng	Ủy viên	12/12	100%	
5	Ông Nguyễn Văn Phúc	Ủy viên	12/12	100%	

1.2.2 Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc

- Giám sát thực hiện các hoạt động đầu tư dự án, hoạt động sản xuất kinh doanh, thông qua kết quả SXKD hàng quý của Công ty.

- Lựa chọn và phê duyệt đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

- Sửa đổi và phê duyệt ban hành các Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

- Phê duyệt và giám sát chỉ đạo thực hiện các dự án đầu tư của Công ty.

1.2.3 Các nghị quyết của Hội đồng quản trị

TT	Số nghị quyết	Ngày/tháng	Nội dung
1.	01/2020/NQ-SCI-HĐQT	06/01/2020	Phê duyệt Chuyển giao quyền và nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng tư vấn lập hồ sơ bổ sung quy hoạch, báo cáo nghiên cứu khả thi, hồ sơ thiết kế giai đoạn TKKT và TKBVTC cho dự án thủy điện Mường Luân số 02/2017/SCI/ML-HĐKT ký ngày 03/04/2017
2.	01.1/2020/NQ-SCI-HĐQT	14/01/2020	Thông qua kết quả SXKD Quý IV năm 2019 và kế hoạch nhiệm vụ Quý I năm 2020
3.	02/2020/NQ-SCI-HĐQT	15/01/2020	Phê duyệt phương án hợp tác đầu tư vào Công ty cổ phần SCI Điện Biên
4.	02.1/2020/NQ-SCI-HĐQT	04/02/2020	Chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.
5.	03/2020/NQ-SCI-HĐQT	06/02/2020	Nghị quyết thanh lý xe ô tô 29C-493.40
6.	04/2020/NQ-SCI-HĐQT	17/02/2020	Phê duyệt HSYC Gói thầu NX-XL-01: Tổng thầu EPC (Thiết kế BVTC, thi công, Cung cấp lắp đặt thiết bị công nghệ) thuộc Dự án Thủy điện Nậm Xe
7.	05/2020/NQ-SCI-HĐQT	21/03/2020	Gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020
8.	06/2020/NQ-SCI-HĐQT	25/03/2020	Nghị quyết thông qua thay đổi thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tư vấn SCI.

TT	Số nghị quyết	Ngày/tháng	Nội dung
9.	07/2020/NQ-SCI-HĐQT	25/03/2020	Nghị quyết thông qua thay đổi Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn SCI.
10.	08/2020/NQ-SCI-HĐQT	25/03/2020	Thông qua PA xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không đặt mua hết của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2020
11.	09/2020/NQ-SCI-HĐQT	30/03/2020	Thông qua Mời thầu, chấm thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu + nội dung hợp đồng Gói thầu NX-XL-01: Tổng thầu EPC thuộc dự án Nậm Xe
12.	10/2020/NQ-SCI-HĐQT	01/04/2020	Nghị quyết thông qua thay đổi KTT Công ty công phần tư vấn SCI
13.	11/2020/NQ-SCI-HĐQT	14/04/2020	Thông báo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng và nội dung sửa đổi điều lệ.
14.	12/2020/NQ-SCI-HĐQT	14/04/2020	Thông qua nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2020 – Công ty cổ phần SCI Lai Châu
15.	13/2020/NQ-SCI-HĐQT	29/04/2020	Thông qua kết quả SXKD Quý I năm 2020 và kế hoạch nhiệm vụ Quý II năm 2020
16.	14/2020/NQ-SCI-HĐQT	29/04/2020	Thông qua nội dung ĐHĐCĐ thường niên 2020 - Công ty CP tư vấn SCI
17.	15/2020/NQ-SCI-HĐQT	15/05/2020	Nghị quyết Chốt danh sách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2020
18.	16/2020/NQ-SCI-HĐQT	13/06/2020	Chương trình đại hội, các tờ trình, tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
19.	17/2020/NQ-SCI-HĐQT	13/06/2020	Thông qua việc thế chấp các khoản đầu tư góp vốn tại Công ty con.
20.	20/2020/NQ-SCI-HĐQT	07/07/2020	Thay đổi người phụ trách quản trị Công ty
21.	21/2020/NQ-SCI-HĐQT	07/07/2020	Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm toán nội bộ công ty cổ phần SCI
22.	22/2020/NQ-SCI-HĐQT	07/07/2020	Bổ nhiệm thành viên Ban kiểm toán nội bộ công ty cổ phần SCI
23.	23/2020/NQ-SCI-HĐQT	23/07/2020	Thay đổi phương án chi tiết sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ
24.	24/2020/NQ-SCI-HĐQT	12/08/2020	Thoái vốn tại Công ty cổ phần SCI Điện Biên
25.	25/2020/NQ-SCI-HĐQT	21/08/2020	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ
26.	26/2020/NQ-SCI-HĐQT	21/08/2020	Thông qua nguồn vốn thực hiện dự án thủy điện tại Công ty CP SCI Lai Châu, phương án chi tiết sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ và phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số tiền như dự kiến.
27.	27/2020/NQ-SCI-HĐQT	21/08/2020	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng
28.	28/2020/NQ-SCI-HĐQT	07/09/2020	Nghị quyết của HĐQT SCI phê duyệt nội dung trình và ủy quyền cho NDDPV phê duyệt các nội dung sau thuộc thẩm quyền quyết định của SCI + Phê duyệt điều chỉnh KHLCNT;

TT	Số nghị quyết	Ngày/tháng	Nội dung
			+ Phê duyệt nội dung Phụ lục điều chỉnh bổ sung Hợp đồng tổng thầu EPC
29.	30/2020/NQ-SCI-HĐQT	14/10/2020	NQ bổ nhiệm Phó TGD Công ty Cp SCI
30.	31/2020/NQ-SCI-HĐQT	01/12/2020	NQ bổ nhiệm Phó TGD Công ty Cp SCI
31.	32.1/2020/NQ-SCI-HĐQT	17/12/2020	NQ thông qua phương án cổ phần hóa Công ty TNHH SCI Nghệ An.
32.	32/2020/NQ-SCI-HĐQT	30/12/2020	NQ cử người đại diện quản lý phần vốn góp tại Cty CP SCI Nghệ An

1.2.4 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Trong năm 2020, HĐQT có 1 ủy viên HĐQT độc lập là ông Nguyễn Minh Hùng. Ủy viên HĐQT độc lập thường xuyên tham gia trực tiếp vào các cuộc họp của HĐQT hàng quý, trực tiếp nắm bắt thông tin quản trị và báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm từ các bộ phận chuyên môn của Công ty.

2. Ban kiểm toán nội bộ

2.1 Thành viên Ban kiểm toán nội bộ

- Ông Nguyễn Minh Hùng - Trưởng ban
- Bà Quách Thị Thanh Thủy - Ủy viên
- Ông Phạm Thị Thanh Hiền - Ủy viên

2.2 Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ:

- Hoạt động của Ban kiểm toán: Ban kiểm toán nội bộ đã trực tiếp nắm bắt thông tin quản trị và báo cáo tài chính hàng quý, năm từ các bộ phận chuyên môn của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ công tác báo cáo, kiểm tra giám sát, thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm đúng với quy chế và các quy định của pháp luật.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: Chấp nhận toàn phần
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Đính kèm)

Nơi nhân :

- Công bố TT ;
- Lưu VT, TCKT



TÔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SCI
 Nguyễn Văn Phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10-36

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SCI (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Chính Đại	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên
Ông Đoàn Thế Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Phúc	Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 14/10/2020)
Ông Vũ An Minh	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/12/2020)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2021



Số: 257 /BCKT/TC/NV8

Vietnam Auditing and Valuation Company Limited

Address: 14th Floor, SUDICO Building, Me Tri Street
My Dinh 1 Ward, South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần SCI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần SCI (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 01 năm 2021, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Lưu Quốc Thái

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 0155-2018-126-1

Mai Quang Hiệp

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 1320-2018-126-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		552.556.407.235	361.317.124.515
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	58.330.237.013	10.807.089.288
1. Tiền	111		58.330.237.013	10.807.089.288
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	36.831.019.925	154.134.086.597
1. Chứng khoán kinh doanh	121		8.606.464.744	163.313.707.444
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.775.444.819)	(9.179.620.847)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		30.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		448.564.297.213	153.851.000.460
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	455.482.972.650	146.597.810.776
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.169.317.678	8.787.940.437
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	33.695.866.823	22.185.425.265
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(48.783.859.938)	(23.720.176.018)
IV. Hàng tồn kho	140	10	8.614.485.604	41.385.307.550
1. Hàng tồn kho	141		8.614.485.604	41.385.307.550
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		216.367.480	1.139.640.620
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	77.377.859	24.240.374
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		97.080.707	294.440.567
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	41.908.914	820.959.679
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		576.437.319.001	472.589.367.788
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		220.000.000	220.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	220.000.000	220.000.000
II. Tài sản cố định	220		4.689.827.153	7.362.681.674
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.630.452.214	7.290.806.731
- Nguyên giá	222		30.263.386.064	33.961.725.791
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.632.933.850)	(26.670.919.060)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	59.374.939	71.874.943
- Nguyên giá	228		342.500.000	342.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(283.125.061)	(270.625.057)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	1.363.636.364	2.181.818.182
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.363.636.364	2.181.818.182
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	570.163.855.484	462.807.448.943
1. Đầu tư vào công ty con	251		553.340.364.504	397.257.448.943
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.550.000.000	60.550.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(13.726.509.020)	-
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	5.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	17.418.989
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	-	17.418.989
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.128.993.726.236	833.906.492.303



CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		514.200.964.879	336.232.801.003
I. Nợ ngắn hạn	310		514.144.149.879	328.675.986.003
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	458.303.277.972	190.823.451.067
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	46.758.321.118	46.768.321.118
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	5.016.580.543	46.303.666
4. Phải trả người lao động	314		760.373.539	512.326.311
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	1.398.329
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	2.525.431.867	88.930.520.672
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	-	795.000.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		780.164.840	798.664.840
II. Nợ dài hạn	330		56.815.000	7.556.815.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	56.815.000	7.556.815.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		614.792.761.357	497.673.691.300
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	614.792.761.357	497.673.691.300
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		524.267.230.000	428.292.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		524.267.230.000	428.292.770.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		821.616.000	982.166.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.192.087.059	8.192.087.059
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		81.511.828.298	60.206.668.241
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		60.206.668.241	50.489.518.388
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.305.160.057	9.717.149.853
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.128.993.726.236	833.906.492.303


Nguyễn Thanh Huyền
Người lập

Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2020

MÃ SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	760.684.512.857	296.912.383.501
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		760.684.512.857	296.912.383.501
4. Giá vốn hàng bán	11	23	663.453.432.414	275.988.975.385
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		97.231.080.443	20.923.408.116
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	9.953.857.211	10.350.331.025
7. Chi phí tài chính	22	25	48.417.366.007	12.221.196.298
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.760.014.807	5.595.292.507
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	32.403.523.651	6.683.050.195
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		26.364.047.996	12.369.492.648
11. Thu nhập khác	31	27	32.776.232.758	3.388.139.778
12. Chi phí khác	32	28	32.068.998.280	3.473.817.117
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		707.234.478	(85.677.339)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		27.071.282.474	12.283.815.309
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	5.766.122.417	2.470.665.456
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		<u>21.305.160.057</u>	<u>9.813.149.853</u>

Nguyễn Thanh Huyền

Phan Dương Mạnh



Nguyễn Văn Phúc

Nguyễn Thanh Huyền
Người lập

Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.071.282.474	12.283.815.309
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		2.349.944.793	2.655.272.940
- Các khoản dự phòng	03		31.386.016.911	(2.995.017.541)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.595.897.165	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		118.767.835	(7.482.164.745)
- Chi phí lãi vay	06		7.760.014.807	5.595.292.507
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		70.281.923.985	10.057.198.470
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(321.026.222.489)	(8.002.129.337)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		32.770.821.946	(37.809.817.200)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		173.811.387.000	137.497.699.379
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(35.718.496)	135.103.061
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		154.707.242.700	(115.449.458.053)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.760.014.807)	(5.595.292.507)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(6.632.313.941)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(18.500.000)	(3.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		102.730.919.839	(25.802.410.128)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.818.181.819)	178.326.364
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.454.931.645	183.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	189.183.571.540
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(154.810.188.288)	(174.641.372.728)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		152.196.212	20.939.819.185
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(150.021.242.250)	30.844.162.543
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		95.813.910.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		9.000.000.000	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(9.795.000.000)	(3.188.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		95.018.910.000	(3.188.000.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		47.728.587.589	1.853.752.415
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.807.089.288	8.953.336.873
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(205.439.864)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	<u>58.330.237.013</u>	<u>10.807.089.288</u>

Nguyễn Thanh Huyền
Người lập

Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI (tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Đà 909) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười sáu ngày 03 tháng 06 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 524.267.230.000 đồng, vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 524.267.230.000 đồng; tương đương 52.426.723 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ cho thuê máy móc xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp 1 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909	Lai Châu	Hoạt động xây lắp

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 6.

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ /hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 40 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 năm |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Tài sản cố định vô hình và khấu hao*****Phần mềm máy vi tính***

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng và dựa trên thời gian sử dụng hữu ích.

Bảng sáng chế và thương hiệu

Bảng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lãi kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm Khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	175.460.113	1.265.350.493
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	58.154.776.900	9.541.738.795
	58.330.237.013	10.807.089.288

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Các khoản đầu tư khác	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Trái phiếu	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
	30.000.000.000	30.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị cổ phiếu	8.606.464.744	9.798.010.550	(1.775.444.819)	163.313.707.444	154.134.086.597	(9.179.620.847)
GEX	-	-	-	158.239.642.068	152.353.773.000	(5.885.869.068)
SDA	2.963.994.800	1.733.330.000	(1.230.664.800)	2.963.994.800	1.143.997.800	(1.819.997.000)
VTX	-	-	-	1.475.610.000	609.918.800	(865.691.200)
MHC	5.008.009.375	7.975.000.000	-	-	-	-
Cổ phiếu khác	634.460.569	89.680.550	(544.780.019)	634.460.576	26.396.997	(608.063.579)
	8.606.464.744	9.798.010.550	(1.775.444.819)	163.313.707.444	154.134.086.597	(9.179.620.847)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	553.340.364.504	539.613.855.484	(13.726.509.020)	397.257.448.943	-	-
Công ty Cổ phần SCI E&C	71.366.250.000	71.366.250.000	-	71.366.250.000	-	-
Công ty TNHH SCI Nghệ An	118.749.826.215	105.023.317.195	(13.726.509.020)	118.749.826.215	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	6.500.000.000	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	356.724.288.289	356.724.288.289	-	196.050.000.000	-	-
Công ty Cổ phần SCI Điện Biên	-	-	-	4.591.372.728	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	30.550.000.000	30.550.000.000	-	60.550.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	550.000.000	550.000.000	-	550.000.000	-	-
Công ty Cổ phần hạ tầng và phát triển đô thị Fecon	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-	-
Quý đầu tư, khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam	-	-	-	30.000.000.000	-	-
	583.890.364.504	570.163.855.484	(13.726.509.020)	457.807.448.943	-	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần SCI E&C	Hà Nội	60,50%	60,50%	Chế tạo, lắp đặt cơ khí, xây dựng công trình và hạ tầng
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Nghệ An	51,00%	51,00%	Xây dựng thủy điện
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Hà Nội	65,00%	65,00%	Tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Lai Châu	99,99%	99,99%	Xây dựng thủy điện

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần hạ tầng và phát triển đô thị Fecon	Hà Nội	8,00%	8,00%	Phát triển thi công các dự án hạ tầng, giao thông đường bộ

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm: xem chi tiết tại Thuyết minh số 34.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần SCI E&C	6.442.761.320	508.370.879
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	3.039.679.073	2.638.190.145
Liên danh CMC/ITD/Sông Đà	87.494.043.894	110.715.691.924
Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La	16.020.552.948	16.020.552.948
Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	4.858.120.349	4.858.120.349
Nam Sam 3 Power Company Limited	325.151.157.630	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	12.476.657.436	11.856.884.531
	455.482.972.650	146.597.810.776
Phải thu khách hàng là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)</i>	11.074.860.021	4.092.743.470

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	39.349.600	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	42.300.000	-	42.300.000	-
Phải thu về KPCĐ	6.451.250	-	6.451.250	-
Tạm ứng	3.290.066.355	-	4.254.233.706	-
Ký cược, ký quỹ	16.000.000	-	16.000.000	-
Phải thu tiền vật liệu nổ Công ty CP SCI E&C	13.589.429.480	-	-	-
Phải thu khác	16.751.619.738	(4.556.156.954)	17.827.090.709	(4.556.156.954)
	33.695.866.823	(4.556.156.954)	22.185.425.265	(4.556.156.954)
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	220.000.000	-	220.000.000	-
	220.000.000	-	220.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

9 . NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	117.106.390.957	68.322.531.019	140.328.038.987	116.607.862.969
<i>Ban điều hành Dự án thủy điện Sơn La</i>	<i>16.020.552.948</i>	<i>3.377.659.885</i>	<i>16.020.552.948</i>	<i>3.377.659.885</i>
<i>Liên danh CMC/ITD/Sông Đà</i>	<i>87.494.043.894</i>	<i>62.430.359.976</i>	<i>110.715.691.924</i>	<i>110.715.691.924</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>13.591.794.115</i>	<i>2.514.511.158</i>	<i>13.591.794.115</i>	<i>2.514.511.160</i>
	117.106.390.957	68.322.531.019	140.328.038.987	116.607.862.969

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	444.394.650	-	444.394.650	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.170.090.954	-	40.940.912.900	-
	8.614.485.604	-	41.385.307.550	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

11 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.363.636.364	2.181.818.182
Dự án Điện gió Quảng Trị	1.363.636.364	2.181.818.182
	1.363.636.364	2.181.818.182

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2020	19.963.241.095	13.901.307.423	97.177.273	33.961.725.791
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.698.339.727)	-	(3.698.339.727)
Tại ngày 31/12/2020	19.963.241.095	10.202.967.696	97.177.273	30.263.386.064
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2020	15.801.303.471	10.772.438.316	97.177.273	26.670.919.060
Trích khấu hao	1.193.558.078	1.143.886.711	-	2.337.444.789
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.375.429.999)	-	(3.375.429.999)
Tại ngày 31/12/2020	16.994.861.549	8.540.895.028	97.177.273	25.632.933.850
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2020	4.161.937.624	3.128.869.107	-	7.290.806.731
Tại ngày 31/12/2020	2.968.379.546	1.662.072.668	-	4.630.452.214

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.436.324.450 đồng.

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhân hiệu, thương hiệu	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2020	250.000.000	92.500.000	342.500.000
Tại ngày 31/12/2020	250.000.000	92.500.000	342.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2020	178.125.057	92.500.000	270.625.057
Trích khấu hao	12.500.004	-	12.500.004
Tại ngày 31/12/2020	190.625.061	92.500.000	283.125.061
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	71.874.943	-	71.874.943
Tại ngày 31/12/2020	59.374.939	-	59.374.939

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	77.377.859	24.240.374
	77.377.859	24.240.374
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	17.418.989
	-	17.418.989

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Công ty CP SCI E&C	448.146.226.400	422.160.772.466	183.864.524.703	183.864.524.703
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thành Vinh	1.803.797.752	1.803.797.752	1.937.085.940	1.937.085.940
Công ty CP Tư Vấn SCI	84.906.908	84.906.908	1.077.351.000	1.077.351.000
Các khoản phải trả khác	8.268.346.912	8.268.346.912	3.944.489.424	3.944.489.424
	458.303.277.972	432.317.824.038	190.823.451.067	190.823.451.067
Phải trả người bán là các bên liên quan	448.146.226.400	448.146.226.400	183.864.524.703	183.864.524.703
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)</i>				

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nam Sam 3 Power Company Limited	46.275.696.105	46.275.696.105
Các đối tượng khác	482.625.013	492.625.013
	46.758.321.118	46.768.321.118

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	46.303.666	80.184.616	96.286.603	16.101.987	46.303.666
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	795.845.540	-	5.766.122.417	-	-	4.970.276.877
Thuế Thu nhập cá nhân	25.114.139	-	273.352.958	274.045.746	25.806.927	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	820.959.679	46.303.666	6.123.659.991	374.332.349	41.908.914	5.016.580.543

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	191.275.070	193.550.440
Bảo hiểm xã hội	26.553.115	14.079.155
Thù lao Hội đồng quản trị và BKS	170.546.808	227.486.808
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	-	50.683.619.696
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt	-	35.033.378.763
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.137.056.874	2.778.405.810
	<u>2.525.431.867</u>	<u>88.930.520.672</u>
b) Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	56.815.000	56.815.000
Thỏa thuận vốn góp hợp tác đầu tư	-	7.500.000.000
	<u>56.815.000</u>	<u>7.556.815.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2019					
Tại ngày 01/01/2019	407.907.140.000	982.166.000	8.192.087.059	70.875.148.388	487.956.541.447
Tăng vốn trong năm trước	20.385.630.000	-	-	(20.385.630.000)	-
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	9.813.149.853	9.813.149.853
Tạm ứng tiền thù lao BKS và HĐQT	-	-	-	(96.000.000)	(96.000.000)
Tại ngày 31/12/2019	428.292.770.000	982.166.000	8.192.087.059	60.206.668.241	497.673.691.300
Năm 2020					
Tại ngày 01/01/2020	428.292.770.000	982.166.000	8.192.087.059	60.206.668.241	497.673.691.300
Tăng vốn trong năm nay	95.974.460.000	(160.550.000)	-	-	95.813.910.000
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	21.305.160.057	21.305.160.057
Tại ngày 31/12/2020	524.267.230.000	821.616.000	8.192.087.059	81.511.828.298	614.792.761.357

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020	31/12/2020	01/01/2020	Tỷ lệ
	VND	VND	VND	(%)
Vốn góp của các cổ đông	524.267.230.000	100,00%	428.292.770.000	100,00%
	524.267.230.000	100%	428.292.770.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	524.267.230.000	428.292.770.000
- Vốn góp đầu năm	428.292.770.000	407.907.140.000
- Vốn góp tăng trong năm	95.974.460.000	20.385.630.000
- Vốn góp cuối năm	524.267.230.000	428.292.770.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	52.426.723	42.829.277
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	52.426.723	42.829.277
- Cổ phiếu phổ thông	52.426.723	42.829.277
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52.426.723	42.829.277
- Cổ phiếu phổ thông	52.426.723	42.829.277
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.192.087.059	8.192.087.059
	8.192.087.059	8.192.087.059

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	31/12/2020	01/01/2020
Đồng đô la Mỹ (USD)	2.462.583,74	100,62
Đồng Lak	421.658.269	-

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	4.678.941.722	4.363.280.512
Doanh thu hợp đồng xây dựng	756.005.571.135	292.549.102.989
- Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong năm	756.005.571.135	292.549.102.989
	760.684.512.857	296.912.383.501
Doanh thu đối với các bên liên quan	3.603.016.586	6.635.425.976

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.645.811.122	2.259.326.226
Giá vốn hợp đồng xây dựng	660.807.621.292	273.729.649.159
	663.453.432.414	275.988.975.385

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	112.846.612	7.258.996.963
Lãi bán các khoản đầu tư	4.912.482.790	2.782.151.804
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	39.349.600
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	4.928.527.809	269.832.658
	9.953.857.211	10.350.331.025

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.760.014.807	5.595.292.507
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	29.320.971.664	7.445.524.911
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.363.608.694	867.971.856
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.595.897.165	-
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	6.322.332.993	(3.126.986.444)
Chi phí tài chính khác	54.540.684	1.439.393.468
	48.417.366.007	12.221.196.298

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	380.846.068	467.067.506
Chi phí nhân công	4.258.817.177	3.461.516.522
Chi phí khấu hao tài sản cố định	395.705.448	209.084.525
Thuế, phí, lệ phí	105.935.735	49.178.125
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	25.063.683.918	131.968.903
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.322.553.599	1.034.377.386
Chi phí khác bằng tiền	875.981.706	1.329.857.228
	32.403.523.651	6.683.050.195

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	183.818.182
Thu nhập từ bán vật tư phục vụ công trình Nam Sam 3	27.101.050.444	-
Thu nhập khác	5.675.182.314	3.204.321.596
	32.776.232.758	3.388.139.778

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	231.614.447	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	163.432.447	269.585.997
Chi phí mua vật tư phục vụ công trình Nam Sam 3	27.140.018.447	-
Chi phí khác	4.533.932.939	3.204.231.120
	32.068.998.280	3.473.817.117

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.071.282.474	12.283.815.309
Các khoản điều chỉnh tăng	1.759.329.612	108.861.573
- Chi phí không hợp lệ	163.432.447	269.585.997
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	1.595.897.165	(160.724.424)
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(39.349.600)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(39.349.600)
Thu nhập tính thuế TNDN	28.830.612.086	12.353.327.282
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.766.122.417	2.470.665.456
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(795.845.540)	3.365.802.945
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(6.632.313.941)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	4.970.276.877	(795.845.540)

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	380.846.068	467.067.506
Chi phí nhân công	4.258.817.177	3.327.751.336
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.349.944.793	2.655.272.940
Chi phí dịch vụ mua ngoài	642.660.988.280	277.021.418.194
Chi phí khác bằng tiền	875.981.706	2.879.122.934
	650.526.578.024	286.350.632.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.330.237.013	-	10.807.089.288	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	489.398.839.473	(48.783.859.938)	169.003.236.041	(23.720.176.018)
Đầu tư ngắn hạn	38.606.464.744	(1.775.444.819)	163.313.707.444	(9.179.620.847)
Đầu tư dài hạn	30.550.000.000	-	65.550.000.000	-
	616.885.541.230	(50.559.304.757)	408.674.032.773	(32.899.796.865)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	795.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	460.885.524.839	287.310.786.739
Chi phí phải trả	-	1.398.329
	460.885.524.839	288.107.185.068

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.330.237.013	-	-	58.330.237.013
Phải thu khách hàng, phải thu khác	440.394.979.535	220.000.000	-	440.614.979.535
Đầu tư ngắn hạn	36.831.019.925	-	-	36.831.019.925
Đầu tư dài hạn	-	30.550.000.000	-	30.550.000.000
	535.556.236.473	30.770.000.000	-	566.326.236.473
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.807.089.288	-	-	10.807.089.288
Phải thu khách hàng, phải thu khác	145.063.060.023	220.000.000	-	145.283.060.023
Đầu tư ngắn hạn	154.134.086.597	-	-	154.134.086.597
Đầu tư dài hạn	-	65.550.000.000	-	65.550.000.000
	310.004.235.908	65.770.000.000	-	375.774.235.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	460.828.709.839	56.815.000	-	460.885.524.839
	<u>460.828.709.839</u>	<u>56.815.000</u>	<u>-</u>	<u>460.885.524.839</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	795.000.000	-	-	795.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	279.753.971.739	7.556.815.000	-	287.310.786.739
Chi phí phải trả	1.398.329	-	-	1.398.329
	<u>280.550.370.068</u>	<u>7.556.815.000</u>	<u>-</u>	<u>288.107.185.068</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 98% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Theo khu vực địa lý

	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.383.718.003	756.300.794.854	760.684.512.857
Tài sản bộ phận	716.348.524.712	412.645.201.524	1.128.993.726.236

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con	364.989.934	487.279.849
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	1.253.847.424	565.728.795
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con	193.766.782	217.133.185
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	34.157.463.297	5.365.284.147
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	7.621.032.510	2.343.046.364
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	602.897.985.554	304.491.329.261
Góp vốn			
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con	160.674.288.289	-

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con	3.039.679.073	2.638.190.145
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	1.379.276.168	946.182.446
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con	213.143.460	-
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	6.442.761.320	508.370.879
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	448.146.226.400	183.864.524.703
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	84.906.908	1.077.351.000
Phải thu khác			
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	13.589.429.480	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.596.752.379	1.534.742.000
Nguyễn Công Hùng	480.000.000	480.000.000
Lương Thanh Tùng	-	124.194.000
Nguyễn Chính Đại	96.000.000	56.000.000
Đoàn Thế Anh	96.000.000	96.000.000
Nguyễn Minh Hùng	96.000.000	96.000.000
Nguyễn Văn Phúc	664.794.626	512.964.000
Phạm Văn Nghĩa	155.690.753	169.584.000
Nguyễn Văn Độ	8.267.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA) kiểm toán.

Nguyễn Thanh Huyền
Người lập

Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2021

